

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07-3-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đảm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến
2. Bà Nguyễn Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Ông Trần Bình Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Trường THPT H1, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Phạm Hoài N, sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N2, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 02/10/2017, Bản tự khai ngày 22/11/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị (Nguyễn Thị H) và anh Phạm Hoài N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã N2, thị xã A, tỉnh Bình Định. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống chung nhà với cha mẹ chồng tại thôn T, xã N2.

Trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh N không hạnh phúc, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống. Anh N không yêu thương, chăm sóc và có trách nhiệm đối với gia đình. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị đã chuyển đến khu tập thể giáo viên trường THPT H1, xã N1, thị xã A sống từ tháng 8/2017 đến nay. Chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Hoài N để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con trai chung là Phạm Đăng D, sinh ngày: 07/11/2013. Hiện tại cháu D đang được chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị xác định không có.

Anh Phạm Hoài N được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Phạm Hoài N. Về con chung: tiếp tục giao cháu Phạm Đăng D, sinh ngày 07/11/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh N vì chị H không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: không có tài sản chung, miễn xét. Về án phí: chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Chị Nguyễn Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn và con chung với anh Phạm Hoài N ở thôn T, xã N2, thị xã A, tỉnh Bình Định. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A.

Anh Phạm Hoài N mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về nội dung

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Hoài N đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N2, thị xã A, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh N thường xảy ra mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt nghiêm trọng. Chị H xác định nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do giữa chị anh N không cùng quan điểm sống. Đồng thời, anh N không yêu thương, chăm sóc và có trách nhiệm đối với gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù vợ chồng chị H, anh N đã trải qua hơn 05 năm chung sống, nhưng do không cùng quan điểm sống nên giữa họ đã xảy ra mâu thuẫn. Qua kết quả xác minh xác định mâu thuẫn vợ chồng là do anh N không dành tình yêu thương, chăm sóc đối với gia đình mà tham gia cá độ bóng đá gây nên nợ nần. Cuộc sống hôn nhân ngày càng bế tắc nên chị H đã chuyển đến khu tập thể giáo viên trường THPT H1, xã N1, thị xã A sống từ tháng 8/2017 đến nay. Anh N vẫn biết chị H yêu cầu ly hôn nhưng cố tình trốn tránh, không tha thiết sống chung để xây dựng lại mái ấm gia đình. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Chị H và anh N có 01 người con trai chung là Phạm Đăng D, sinh ngày: 07/11/2013. Hiện nay cháu D đang được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: cháu Phạm Đăng D chưa đủ 07 tuổi nên chưa thể xem xét nguyện vọng của cháu khi chị H và anh N ly hôn. Tuy nhiên, cháu D còn nhỏ, mọi sinh hoạt hàng ngày của cháu rất cần bàn tay chăm sóc chu đáo của người mẹ. Hơn nữa, cháu D đang được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi chị H và anh N không còn sống chung đến nay. Do đó, việc giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục sau ly hôn là bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu D, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên yêu cầu của chị H là có cơ sở để chấp nhận. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh N.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có nên miễn xét.

[2.4] Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Về ý kiến của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Phạm Hoài N.

2. Về con chung:

Chị H và anh N có 01 người con trai chung là Phạm Đăng D, sinh ngày 07/11/2013, hiện đang ở với chị H. Tiếp tục giao cháu Phạm Đăng D cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh N vì chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008469 ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Hoài N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND xã N2;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Đảm